

PART 10: MỆNH ĐỀ QUAN HỆ (RELATIVE CLAUSES)

Mệnh đề quan hệ được dùng để bổ ngữ cho danh từ đứng trước nó vì vậy mệnh đề quan hệ còn có tên gọi khác là mệnh đề tính ngữ.

Để bắt đầu mệnh đề quan hệ người ta có thể sử dụng đại từ quan hệ bao gồm who, whom, which, that, whose hoặc trạng từ quan hệ bao gồm where, why, when.

I. Đại từ quan hệ (who, whom, which, that, whose).

1. Đại từ quan hệ chỉ người (who, whom, that)

a) Đại từ quan hệ làm chủ ngữ (who, that)

- Sau danh từ chỉ người, nếu muốn sử dụng đại từ làm chủ ngữ của mệnh đề quan hệ chúng ta sẽ sử dụng đại từ "who".

Ex:

- I've recently met a lot of people **who speak German**.

(Gần đây tôi gặp rất nhiều người nói tiếng Đức)

- People **who are clever** are usually lazier than others.

(Những người thông minh thường lười biếng hơn những người khác)

That có thể thay cho who trong trường hợp này, Ex:

- I've recently met a lot of people **that speak German**.

Bài tập

Sử dụng đại từ quan hệ "who" làm chủ ngữ viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Tất cả những người được mời đến buổi tiệc sẽ ở lại trong khoảng 1 tuần.

2) Tôi muốn tuyển những lao động có kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

- recruit (t) tuyển
 - experience (u) kinh nghiệm
 - labourer=worker (c) lao động
 - banking sector (n) lĩnh vực ngân hàng
-
-

3) Bạn có lẽ phải sa thải những nhân viên không hòa hợp với đồng nghiệp.

- fire = dismiss (t) sa thải
 - colleague = co-worker (c) đồng nghiệp
 - be compatible with: hòa hợp với
-
-

4) Những người sống tự lập thường sẽ trưởng thành và thành công hơn những người cùng trang lứa với họ.

- independently (adv) tự lập
 - peer (c) người cùng trang lứa
 - mature = grown up (adj) trưởng thành
-
-

5) Những bệnh như cao huyết áp hay đái tháo đường thường phổ biến ở những người cao tuổi có chế độ ăn không lành mạnh.

- disease (c) bệnh tật
 - older people = elderly people = the elderly (n) người già
 - high blood pressure (u) cao huyết áp
 - a unhealthy diet (c) một chế độ ăn không lành mạnh
 - diabetes (u) đái tháo đường
-
-

6) Mặc dù được trả lương cao hơn, trong thực tế những người làm trong các tập đoàn đa quốc gia phải chịu nhiều áp lực hơn.

- in reality (phrase) trong thực tế
- multinational corporation (c) tập đoàn đa quốc gia

- pressure (u) áp lực

b) Đại từ làm tân ngữ (who/whom/that)

- Sau danh từ chỉ người, who/whom đều có thể được dùng làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ. Có nghĩa là mệnh đề quan hệ của chúng ta sẽ có một chủ từ khác và who/whom chỉ là tân ngữ của động từ hoặc giới từ của mệnh đề quan hệ này.
- Whom hay dùng trong văn viết trang trọng hơn.

Ex:

- People **who he socializes with** are mostly evil.
(Những người anh ấy giao thiệp với hầu hết là xấu xa)
Trong trường hợp này chúng ta thấy về bản chất “who” chính là tân ngữ của “with”.

- The girl **whom I like** is his sister. (Cô gái tôi thích là chị của anh ấy)
Trong trường hợp này về bản chất “whom” chính là tân ngữ của động từ “like”.

Trạng từ that cũng có thể dùng thay cho who/whom để làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ, Ex:

- People **that he socializes with** are mostly evil.

Bài tập

Sử dụng đại từ quan hệ “who/whom” viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Những nhân viên mà tôi tuyển sẽ phải trải qua các buổi đào tạo trong suốt hai tháng thử việc.

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| - recruit (t) tuyển | - training session (c) buổi đào tạo |
| - experience (t) trải qua | - probation (u) sự thử việc |
-
-